TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 561 /2026/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 6 - 2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- GIA LAI, TỈNH GIA LAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Phương Thảo
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Viên
2. Bà Lê Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Trinh là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Gia Lai tham gia phiên toà: Ông Phạm Ngọc Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 221/2026/TB-TLVA ngày 18 tháng 3 năm 2026 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 192/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2026; Quyết định hoãn phiên toà số: 121/2026/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Văn Ả ; sinh ngày: 10/7/1982; Căn cước công dân số: 052082013637; Ngày cấp: 05/12/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Nơi thường trú: 04 Ngô Lê Tân, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai.

2. Bị đơn: Chị Trần Xuân Tuý V , sinh ngày: 14/3/1986; Căn cước công dân số: 064186013060; Ngày cấp: 18/11/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Nơi thường trú: 04 Ngô Lê Tân, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/3/2026 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phạm Văn Ả trình bày:

Anh và chị Trần Xuân Tuý V chung sống với nhau từ năm 2015, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoà Phú, huyện Chư Păk, tỉnh Gia Lai. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2024 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về tính cách, quan điểm

sống và kinh tế gia đình. Nay anh xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu ly hôn chị V để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Phạm Trần Gia Đ , sinh ngày 19/12/2008 và Phạm Trần Quý Th , sinh ngày: 28/4/2012. Hiện cháu Đ và cháu Th đang sống chung với vợ chồng, sức khoẻ bình thường. Nếu ly hôn, anh đồng ý giao cháu Đ và cháu Th cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn, anh cấp dưỡng nuôi cháu Đ và cháu Th mỗi cháu 3.000.0000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết. Ngoài ra anh không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Trần Xuân Tuý V trình bày:

Chị thống nhất với trình bày của anh Ả về thời gian, điều kiện kết hôn và con chung. Theo chị, quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Ảnh có quan hệ bất chính, không có trách nhiệm với kinh tế gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay, phần ai nấy sống. Nay anh Ả yêu cầu ly hôn chị không đồng ý vì chuyện gia đình chưa giải quyết xong.

Về con chung: như anh Ả trình bày là đúng. Nếu ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung Phạm Trần Gia Đ , sinh ngày 19/12/2008 và Phạm Trần Quý Th , sinh ngày: 28/4/2012 sau ly hôn. Chị yêu cầu anh Ả cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi cháu 5.000.000 đồng/ tháng

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết. Ngoài ra chị không còn yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Gia Lai phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; Bị đơn không chấp hành triệu tập của Tòa.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, 56 và Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Văn Ảnh được ly hôn với chị Trần Xuân Túy Viên. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao 02 cháu Phạm Trần

Gia Đức, sinh ngày 19/12/2008 và Phạm Trần Quý Th sinh ngày 28/4/2012 cho chị Trần Xuân Túy V trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Trần Xuân Túy V , đề nghị anh Ả cấp dưỡng nuôi con cho chị Trần Xuân Túy V , với số tiền cấp dưỡng mỗi tháng là 3.000.000đ/cháu cho đến khi 02 cháu trưởng thành.

- Về án phí: đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền:

Tranh chấp phát sinh giữa anh Phạm Văn Ả và chị Trần Xuân Tuý V là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, Điều 28; điểm a Điều 35 Bộ luật tố tụng Dân sự; Bị đơn chị Trần Xuân Tuý V cư trú tại: 04 Ngô Lê Tân, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Gia Lai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Văn Ả có đơn yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Trần Xuân Tuý V đã được tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng chị V vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Trần Xuân Tuý V theo quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Phạm Văn Ả và chị Trần Xuân Tuý V chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được ại UBND xã Hoà Phú, huyện Chư Păk, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 68 ngày 22/12/2007. Quan hệ hôn nhân giữa anh Ảnh và chị V là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình. Quá trình chung sống anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, anh chị đã sống ly thân mà không có biện pháp bàn bạc đoàn tụ. Anh chị cho rằng vợ chồng không còn chung sống từ năm 2024 cho đến nay, không hòa giải đoàn tụ, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Tòa án nhiều lần mời chị V đến Tòa làm việc nhưng chị V không có mặt tại phiên tòa, không có ý kiến thể hiện sự bỏ mặc quan hệ hôn nhân với anh Ảnh. Xét thấy, hôn nhân giữa anh Phạm Văn Ả và chị Trần Xuân Tuý V lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên giải quyết cho anh Ảnh được ly hôn với chị Viên là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 Phạm Trần Gia Đ , sinh ngày 19/12/2008 và Phạm Trần Quý Th , sinh ngày: 28/4/2012. Chị V có nguyện vọng được nuôi cháu Đ và cháu Th sau ly hôn. Xét thấy, chị Viên có đủ điều kiện về chỗ ở và thu nhập để bảo đảm sự phát triển bình thường cho cháu Đ và cháu T . Cháu Đ và cháu Th có nguyện vọng được ở với mẹ sau khi ba mẹ ly hôn. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu

của chị Viên về việc trực tiếp nuôi cháu Đ và cháu Th sau ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị yêu cầu anh Ả cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi cháu 5.000.000 đồng/ tháng. Xét thấy anh Ảnh công tác tại Cơ quan E Bộ thuộc Trung đoàn CSCĐ Nam Trung Bộ có thu thập lương tại thời điểm thực lĩnh là 18.286.000 đồng, ngoài ra không có thu nhập nào khác. Do đó, việc anh Ả tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Đ và cháu Th mỗi tháng 3.000.000đồng/cháu là phù hợp (6 triệu đồng /tháng) tương ứng 1/3 thu nhập của anh Ả là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận tự nguyện của anh V về mức cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ đúng thực tế .

[5] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết.

[6] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Anh Phạm Văn Ả phải chịu theo quy định tại điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Gia Lai phát biểu về nội dung giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, và các điều 228, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51,56, 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Phạm Văn Ả được ly hôn chị Trần Xuân Tuý V

2. Về con chung:

Anh chị có 02 Phạm Trần Gia Đ , sinh ngày 19/12/2008 và Phạm Trần Quý Th , sinh ngày: 28/4/2012.

- Giao 02 cháu Phạm Trần Gia Đ , sinh ngày 19/12/2008 và Phạm Trần Quý Th , sinh ngày: 28/4/2012 cho chị Trần Xuân Tuý V trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Văn Ả cấp dưỡng nuôi cháu Đ và cháu Th mỗi tháng 3.000.000đồng/cháu cho đến khi cháu Đ và cháu Th thành niên.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con. Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không bên nào được ngăn cản.

3. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Án phí HNGĐ-ST: Anh Phạm Văn Ả phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0002337 ngày 18/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

- Anh Phạm Văn Ả còn phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm

5. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo qui định của pháp luật.

6. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Cao Thị Phương Thảo

TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 23 tháng 01 năm 2026

Tại: trụ sở TAND khu vực 1 - Gia Lai

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Thọ
2. Ông Nguyễn Cảnh Liêm

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý 357/2025/TB-TLVA ngày 23 tháng 10 năm 2025 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà số: 174/2025/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Bình; sinh ngày: 03/3/1990; Căn cước công dân số: 040190014837; Ngày cấp: 06/11/2022; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Nơi cư trú: Tổ 59, khu phố 7, phường Quy Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn Đoán, sinh ngày: 21/6/1991; Căn cước công dân/CMND số: 215175302; Nơi cấp: Công an tỉnh Bình Định; Nơi cư trú: Tổ 59, khu phố 7, phường Quy Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

+ Về căn cứ pháp luật :

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, và các điều 228, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; (Biểu quyết 3/3- 100%)

Về nội dung:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Bình được ly hôn anh Lê Văn Đoán. (Biểu quyết 3/3- 100%)

2. Về con chung:

+ Giao cháu Lê Quốc Bảo, sinh ngày 25/4/2016 và cháu Lê Quốc Trường, sinh ngày: 06/3/2021 cho chị Lê Thị Bình trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. (Biểu quyết 3/3- 100%)

- Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu Toà án giải quyết. (Biểu quyết 3/3- 100%)

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không bên nào được ngăn cản.

3. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết. (Biểu quyết 3/3- 100%)

4. Án phí HNGĐ-ST: Chị Lê Thị Bình phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0004131 ngày 23/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai (Biểu quyết 3/3- 100%)

5. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo qui định của pháp luật. (Biểu quyết 3/3- 100%)

6. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (Biểu quyết 3/3- 100%)

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 20 phút, ngày 23 tháng 01 năm 2026

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Đình Thọ **Nguyễn Cảnh Liêm**	**Cao Thị Phương Thảo**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Cảnh Liêm – Nguyễn Đình Thọ	**Cao Thị Phương Thảo**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 9 giờ 30 phút, ngày 28 tháng 5 năm 2021
Tại: trụ sở TAND TP. Quy Nhơn,Bình Định
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Phương Thảo
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Bích Hợp
2. Ông Nguyễn Hoàng Long

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý 175/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2020 về "Tranh chấp Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:85/2020/QĐXX-ST ngày 12 tháng 5 năm 2021; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Phượng, sinh năm: 1969
Cư trú tại: thôn Hải Nam,xã Nhơn Hải,TP.Quy Nhơn, Bình Định.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Thanh, sinh năm: 1968
Cư trú tại: thôn Hải Nam,xã Nhơn Hải,, TP. Quy Nhơn, Bình Định.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

+ Về căn cứ pháp luật :
Căn cứ vào khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình.
Căn cứ điểm a,khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội
(Biểu quyết 3/3- 100%)
+ Về nội dung :
1- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Phượng được ly hôn anh Nguyễn Văn Thanh. (Biểu quyết 3/3- 100%)
2- Về con chung: 03 con chung Nguyễn Văn Tiền, sinh năm 1988; Nguyễn Thị Dô,sinh năm 1990; Nguyễn Văn Thống, sinh năm 1992. Hiện các cháu đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa giải quyết. (Biểu quyết 3/3- 100%)
3- Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết. (Biểu quyết 3/3- 100%)
4- Án phí HNGĐ-ST: Chị Phạm Thị Phượng phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0003557 ngày 15/3/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự Tp. Quy Nhơn, Bình Định. (Biểu quyết 3/3- 100%)

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 28 tháng 5 năm 2021
Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng

nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bích Hợp **Nguyễn Hoàng Long** **Cao Thị Phương Thảo**